

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Ph**

Bản án số: 31/2020/HSST

Ngày: 14/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Hải

2. Ông Trần Văn Hưng

-Thư ký phiên toà: Bà Hồ Thị Yến Nhi là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Phan Thanh Vàng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 17/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2020, đối với các bị cáo:

- **Trần Phú T (CN)** , sinh năm 1991 tại tỉnh Bến Tre, nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố A, phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 06/12; Con ông Trần Phú V (đã chết) và bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1967; Vợ: Nguyễn Ngô Hoàng Nh; Con: một người con 03 tuổi; Tiền sự: Không; Tiền án: Bản án số 18/2017/HSST ngày 05/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp ta sản”; Bản án số 61/2018/HS-ST ngày 21/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/10/2019 cho đến nay. Có mặt.

- **Nguyễn Minh Ph (TBD)**, sinh năm 1981 tại tỉnh Bến Tre, nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố B, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: T xê; Trình độ văn hóa: 06/12; Con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; Vợ: Châu Thị Kim Ng, sinh năm 1993, con: 01 người con sinh năm 2012; Tiền sự: Không; Tiền án: Bản án số 09/2000/HSST ngày 07/3/2000 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre), tỉnh Bến Tre xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/10/2019 cho đến nay. Có mặt.

** Bị hại:*

Trần Duy Tr, sinh năm 1986

Nơi cư trú: ấp A, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị hại Trần Duy Tr: Trần Duy Tr, sinh năm 1990. Nơi cư trú: ấp A, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

Người phiên dịch cho bị hại Trần Duy Tr: Lê Trung Q – Giáo viên Trường nuôi dạy trẻ em khuyết tật Bến Tre. Địa chỉ: Ấp ATA, xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1967.

Nơi cư trú: khu phố A, phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có mặt).

** Người làm chứng:*

Nguyễn Mộng Th, sinh năm 1955

Nơi cư trú: khu phố A, phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 27/10/2019, Trần Phú T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SEEYES, màu đỏ, biển số 71B1-627.91 (xe T mượn của mẹ ruột Nguyễn Thị Hồng H) đến phòng trọ của Nguyễn Minh Ph ở phường 5, thành phố Bến Tre rủ Ph đi tìm người bán vé số để giật vé số bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì Ph đồng ý. Để thực hiện ý định, T điều khiển xe mô tô biển số 71B1-627.91 chở Ph lưu thông trên đường Võ Nguyên Giáp hướng từ xòong xoay phường 6 về vòng xoay Tân Thành, thành phố Bến Tre. Khi đến đoạn thuộc ấp 1, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, cả hai phát hiện anh Trần Duy Tr (là người khuyết tật nặng) đang đi bộ bán vé số trên vỉa hè, trên tay anh Tr cầm 119 tờ vé số (của các đài Tiền Giang, Kiên Giang và Đà Lạt, mỗi tờ mệnh giá 10.000 đồng, mở thưởng ngày 27/10/2019). Lập tức, T dừng xe lại để Ph xuống xe đi bộ đến tiếp cận anh Tr hỏi mua vé số. Ph đưa cho anh Tr 20.000 đồng, anh Tr đưa 119 tờ vé số cho Ph chọn, lợi dụng lúc anh Tr không để ý, Ph nhanh chóng cầm 119 tờ vé số chạy lên xe mô tô để T chở tẩu thoát. Sau khi chiếm đoạt được vé số của anh Tr, Ph đem về phòng trọ chia cho T 59 vé, T đem bán cho Nguyễn Mộng Thu được 400.000 đồng; Ph giữ lại 60 vé, sau đó đem bán cho người đi đường thu được 600.000 đồng. Sau đó, hành vi của T và Ph bị phát hiện.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu SEEYES, màu đỏ, biển số 71B1-627.91

- Tiền Việt Nam: 5.000 đồng (của bị cáo T) và 600.000 đồng (của bị cáo Ph).

- 01 nón kết màu trắng.

- 01 đoạn camera ghi nhận hình ảnh Trần Phú T và Nguyễn Minh Ph thực hiện hành vi giật vé số của anh Trần Duy Tr.

Tại Bản cáo trạng số: 18/CT - VKSTPBT ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Trần Phú T về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại các điểm g, i, khoản 2, Điều 171 Bộ luật Hình sự và bị cáo Nguyễn Minh Ph về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị:

Đối với bị cáo T: Áp dụng điểm g, i, khoản 2, Điều 171; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo T 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Đối với bị cáo Ph: Áp dụng điểm g, khoản 2, Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Ph 03 năm đến 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Hình phạt bổ sung: không áp dụng do bị cáo T và Ph không có nghề nghiệp ổn định.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu SEEYES, màu đỏ, biển số 71B1-627.91 trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Hồng H.

- Tạm giữ số tiền 605.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 nón kết màu trắng ; 01 nón bảo hiểm (kiểu nón kết) màu hồng, có in chữ JoJo Helmet.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc các bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 1.380.000 đồng.

Đối với Nguyễn Thị Hồng H khi cho bị cáo Trần Phú T mượn xe mô tô biển số 71B1-627.91 không biết bị cáo dùng xe mô tô đi cướp giật và Nguyễn Mộng Th khi mua vé số do T bán không biết T sản do bị cáo phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm.

Bị cáo T khai nhận vào khoảng 11 giờ ngày 27/10/2019, tại khu vực ấp 1, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, bị cáo T và bị cáo Nguyễn Minh Ph đã có hành vi câu kết với nhau công khai nhanh chóng chiếm đoạt của Trần Duy Tr là người khuyết tật nặng 119 tờ vé số trị giá 1.190.000 đồng. Bị cáo không khiêu nại gì đối với

các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và xin được giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại 1.380.000 đồng như yêu cầu bị hại.

Bị cáo Ph khai nhận vào khoảng 11 giờ ngày 27/10/2019, tại khu vực ấp 1, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, bị cáo T và bị cáo Nguyễn Minh Ph đã có hành vi câu kết với nhau công khai nhanh chóng chiếm đoạt của Trần Duy Tr là người khuyết tật nặng 119 tờ vé số trị giá 1.190.000 đồng. Bị cáo không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và xin được giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại 1.380.000 đồng như yêu cầu bị hại.

Bị hại, người đại diện cho bị hại trình bày: bị hại Tr bị giật tổng cộng 140 tờ vé số, giá 10.000 đồng/tờ, bán cho bị cáo 02 tờ nhận tiền rồi còn 138 tờ các bị cáo chưa bồi thường thiệt hại cho bị hại. Bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại số vé số bị giật 1.380.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Hồng H trình bày: Chiếc xe mô tô biển số 71B1-627.91 do bà mua của người khác chưa sang tên. Hằng ngày bà sử dụng làm phương tiện đi làm. Ngày 27/10/2019 T hỏi bà mượn xe đi ăn, sau đó đi thực hiện hành vi phạm tội bà không biết. Bà H yêu cầu được nhận lại chiếc xe mô tô nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Việc vắng mặt của người làm chứng, bị cáo không có ý kiến gì, Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt người làm chứng. Xét việc vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người làm chứng là phù hợp theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo T và bị cáo Ph tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại; phù hợp với bản ảnh thực nghiệm điều tra, tang vật thu giữ và các T liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Xuất phát từ mục đích tư lợi bất chính, vào khoảng 11 giờ ngày 27/10/2019, tại khu vực ấp 1, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Trần Phú T và Nguyễn Minh Ph đã có hành vi câu kết với nhau công khai nhanh chóng chiếm đoạt của Trần Duy Tr là người khuyết tật nặng 119 tờ vé số trị giá 1.190.000 đồng.

[3] Các bị cáo Ph và T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ vụ lợi, các bị cáo đã câu kết với nhau sử dụng xe mô tô biển số 71B1-627.91 tiếp cận bị hại Tr (là

người khuyết tật nặng, người không có khả năng tự vệ) đang đi bộ bán vé số, bị cáo Ph hỏi mua vé số của bị hại, lợi dụng lúc bị hại Tr không đề ý, bị cáo Ph nhanh chóng cầm 119 tờ vé số chạy lên xe mô tô để T chở tẩu thoát chiếm đoạt T sản. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố các bị cáo Trần Phú T về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại các điểm g, i, khoản 2, Điều 171 Bộ luật Hình sự và Nguyễn Minh Ph về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 171 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu tài sản sơ hở trong việc quản lý tài sản để thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các bị cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, sinh hoạt hằng ngày.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, các bị cáo T và Ph có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị Tòa án kết án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

Trong vụ án này, bị cáo T là người rủ rê bị cáo Ph đi cướp giật tài sản, đồng thời là người thực hành, còn bị cáo Ph khi được bị cáo T rủ rê thì đồng tình ngay và là người thực hành.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo T và Ph được hưởng là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Ph bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu SEEYES, màu đỏ, biển số 71B1-627.91, bị cáo T và Ph dùng làm phương tiện đi cướp giật tài sản. Đây là phương tiện dùng thực hiện tội phạm nên về nguyên tắc tài sản này bị tịch thu sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, đây là tài sản của bà Nguyễn Thị Hồng H (là mẹ của bị cáo T) khi cho bị cáo Trần Phú T mượn xe mô tô biển số 71B1-627.91 không biết bị cáo dùng xe mô tô đi cướp giật nên giao trả cho bà H là phù hợp.

Tạm giữ của bị cáo Ph số tiền 600.000 đồng và bị cáo T số tiền 5.000 đồng để đảm bảo việc thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy: 01 nón kết màu trắng; 01 nón bảo hiểm (kiểu nón kết) màu hồng, có in chữ JoJo Helmet.

Đối với 01 đoạn camera ghi nhận hình ảnh Trần Phú T và Nguyễn Minh Ph thực hiện hành vi giật vé số của anh Trần Duy Tr là chứng cứ vụ án nên lưu giữ hồ sơ vụ án.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Qua kết quả điều tra đủ cơ sở kết luận các bị cáo chiếm đoạt của bị hại 119 tờ vé số. Tuy nhiên, bị hại Trần Duy Tr yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị của 138 tờ vé số là 1.380.000 đồng. Các bị cáo đồng ý bồi thường tổng số tiền trên là tự nguyện, buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại.

[9] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo T và Ph không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Đối với Nguyễn Thị Hồng H khi cho bị cáo Trần Phú T mượn xe mô tô biển số 71B1-627.91 không biết bị cáo dùng xe mô tô đi cướp giật và Nguyễn Mộng Thu khi mua vé số do T bán không biết tài sản do bị can phạm tội mà có nên không xử lý là phù hợp.

[11] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm, các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí tòa án.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, các bị cáo T, Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Phú T (CN) và Nguyễn Minh Ph (TBĐ) phạm tội “Cướp giật tài sản”

1. Áp dụng các điểm g, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Phú T (CN) 04 (bốn) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2019.

2. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Ph (TBĐ) 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2019

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Hồng H 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SEEYES, màu đỏ, biển số 71B1-627.91.

Tiếp tục tạm giữ số 605.000 (Sáu trăm lẻ năm nghìn) đồng (gồm 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng của bị cáo Ph và 5.000 (năm nghìn) đồng của bị cáo T) để đảm bảo việc thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) nón kết màu trắng; 01 (một) nón bảo hiểm (kiểu nón kết) màu hồng, có in chữ JoJo Helmet.

Tiếp tục tạm giữ cùng hồ sơ vụ án 01 (một) đoạn camera ghi nhận hình ảnh Trần Phú T và Nguyễn Minh Ph thực hiện hành vi giật vé số của anh Trần Duy Tr.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/02/2020, hiện Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến tre đang quản lý).

4. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc các bị cáo Trần Phú T (CN) và Nguyễn Minh Ph (TBD) liên đới bồi thường cho bị hại Trần Duy Tr giá trị 138 tờ vé số là 1.380.000 (Một triệu ba trăm tám mươi nghìn) đồng. Trong đó mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường $\frac{1}{2}$ số tiền 1.380.000 (Một triệu ba trăm tám mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo Trần Phú T và Nguyễn Minh Ph mỗi bị cáo phải nộp là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: bị cáo T và Ph liên đới chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Trong đó mỗi bị cáo phải chịu $\frac{1}{2}$.

Tr hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND B, TP BT, tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo, Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (03b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Văn Trình